TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 167/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai;

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 540/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thùy D, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Thường trú: 130bis T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Đình L, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Thường trú: 130bis T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 630 R, Nanaimo BC V9R 4K9, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2022 và tại các bản tự khai, nguyên đơn – bà Trần Thùy D trình bày:

Bà và ông Trần Đình L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H, Việt Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2009 ngày 12/5/2009 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không được. Nay do tình cảm không còn nên Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Trần Đình L.

Về con chung: Bà và ông Trần Đình L có 04 con chung tên: Trần Khánh Băng V, giới tính: Nữ, sinh ngày: 15/01/2009; Trần Đình C, giới tính: Nam, sinh

ngày: 11/11/2011; Trần Đông N, giới tính: Nam, sinh ngày 14/10/2018 và Trần Doanh D1, giới tính: Nữ, sinh ngày: 10/11/2021. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Đông N và Trần Doanh D1; giao 02 con chung tên Trần Khánh Băng V và Trần Đình C cho ông Trần Đình L trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Trần Đình L không có nợ chung.

Tại bản tự khai, ông Trần Đình L thống nhất với trình bày của bà D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn bà D.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Khánh Băng V và Trần Đình C; giao 02 con chung tên Trần Đông N và Trần Doanh D1 cho bà Trần Thùy D trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thùy D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Đình L đang cư trú tại Canada, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – bà Trần Thùy D và bị đơn – ông Trần Đình L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thùy D và ông Trần Đình L.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thùy D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Hà Nội cấp ngày 12/5/2009 thì có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thùy D và ông Trần Đình L là hôn nhân hợp pháp thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo trình bày thống nhất của bà Trần Thùy D và ông Trần Đình L thì trong thời kỳ hôn nhân vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần hòa giải nhưng không giải quyết được; tình cảm vợ chồng không còn và hai bên đều đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì bà Trần Thùy D và ông Trần Đình L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Trần Thùy D có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Bà Trần Thùy D và ông Trần Đình L thống nhất yêu cầu: Giao hai con chung tên: Trần Đông N, giới tính: Nam, sinh ngày 14/10/2018 và Trần Doanh D1, giới tính: Nữ, sinh ngày: 10/11/2021 cho bà Trần Thùy D trực tiếp nuôi. Giao hai con chung tên: Trần Khánh Băng V, giới tính: Nữ, sinh ngày: 15/01/2009; Trần Đình C, giới tính: Nam, sinh ngày: 11/11/2011 cho ông Trần Đình L trực tiếp nuôi. Trẻ Trần Khánh Băng V và trẻ Trần Đình C có nguyện vọng được sống chung với cha, nên yêu cầu của ông L, bà D là phù hợp với nguyện vọng, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Trần Thùy D và ông Trần Đình L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trần Thùy D và ông Trần Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Khoản 4 Điều 147; Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 54; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thùy D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thùy D được ly hôn với ông Trần Đình L.

Về con chung: Giao hai con chung tên: Trần Đông N, giới tính: Nam, sinh ngày 14/10/2018 và Trần Doanh D1, giới tính: Nữ, sinh ngày: 10/11/2021 cho bà Trần Thùy D trực tiếp nuôi. Giao hai con chung tên: Trần Khánh Băng V, giới tính: Nữ, sinh ngày: 15/01/2009; Trần Đình C, giới tính: Nam, sinh ngày: 11/11/2011 cho ông Trần Đình L trực tiếp nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thùy D và ông Trần Đình L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thùy D và ông Trần Đình L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn - bà Trần Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001290 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thùy D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn – bà Trần Thùy D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; bị đơn – ông Trần Đình L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: HSVA, VT (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Trang

11.01.2023 11:11
Trần Thùy Dung
DSST2022TATP-1870